

Lương cơ sở : 2.340.000 đồng																								
TT	Họ và tên	Chức vụ	Mã ngạch	Hệ số								Tổng tiền lương và phụ cấp	Lương NS-DS		Bảo hiểm XH, YT, TN 9.5%, 10, 5%	Tiền lương	Tiền các khoản phụ cấp						Tổng cộng	
				Lương	PC CV	PC TN	PC KV	PC VK	PC DH	Tỉ lệ % pctn nghề	PC TN Nghề		SN	Số tiền			PC CV	PC TN	PC KV	PC VK	PC DH	PC TN Nghề		Phụ cấp ưu đãi 30%
1	Ngô Thị Ánh Nguyệt	TT	V.07.04.31	5,02	0,2					25%	1,305	15.268.500			1.603.193	10.513.386	418.860				2.733.062	3.664.440	17.329.748	
2	Nguyễn Hy Vọng	TT	V.07.04.31	4,68	0,2					22%	1,074	13.931.424			1.462.800	9.801.324	418.860				2.248.440	3.425.760	15.894.384	
3	Võ Thị Minh Tâm	GV	V.07.04.31	5,02						24%	1,205	14.566.032			1.529.433	10.513.386	0				2.523.213	3.524.040	16.560.639	
4	Huỳnh Văn Tiên	PHT	V.07.04.31	4,34	0,35					18%	0,844	12.950.028			1.359.753	9.089.262	733.005				1.768.008	3.292.380	14.882.655	
5	Nguyễn Xuân Thông	PHT	V.07.04.32	3,66	0,25					13%	0,508	10.338.822			1.085.576	7.665.138	523.575				1.064.533	2.744.820	11.998.066	
6	Huỳnh Thị Mỹ Lệ	PTT	V.07.04.32	4,65	0,15					24%	1,152	13.927.680			1.462.406	9.738.495	314.145				2.412.634	3.369.600	15.834.874	
7	Lữ Thị Nhân	TT	V.07.04.32	3,99	0,2					20%	0,838	11.765.520			1.235.380	8.356.257	418.860				1.755.023	2.941.380	13.471.520	
8	Thới Thị Tuyết Nhung	GV	V.07.04.32	3,66						16%	0,586	9.934.704			1.043.144	7.665.138	0				1.226.422	2.569.320	11.460.880	
9	Nguyễn Thị Nga	GV	V.07.04.31	4,00						13%	0,520	10.576.800			1.110.564	8.377.200	0				1.089.036	2.808.000	12.274.236	
10	Đoàn Huỳnh Dũng	PTT	V.07.04.31	4,00	0,15					13%	0,540	10.973.430			1.152.210	8.377.200	314.145				1.129.875	2.913.300	12.734.520	
11	Lê Quốc Việt	GV	V.07.04.32	3,66						13%	0,476	9.677.772			1.016.166	7.665.138	0				996.468	2.569.320	11.230.926	
12	Nguyễn Thái Ngọc Kiều	GV	V.07.04.32	3,33						10%	0,333	8.571.420			899.999	6.974.019	0				697.402	2.337.660	10.009.081	
13	Huỳnh Thị Diễm	GV	V.07.04.32	3,00						8%	0,240	7.581.600			796.068	6.282.900	0				502.632	2.106.000	8.891.532	
14	Hoàng Thị Minh Phương	GV	V.07.04.32	3,00						8%	0,240	7.581.600			796.068	6.282.900	0				502.632	2.106.000	8.891.532	
15	Nguyễn Thị Thủy	GV	V.07.04.32	3,66						13%	0,476	9.677.772			1.016.166	7.665.138	0				996.468	2.569.320	11.230.926	
16	Huỳnh Thủy Tiên	GV	V.07.04.32	2,34								5.475.600			574.938	4.900.662	0				0	1.642.680	6.543.342	
17	Trần Hữu Hoàng	GV	V.07.04.32	2,67						6%	0,160	6.622.668			695.380	5.591.781	0				335.507	1.874.340	7.801.628	
18	Cao Thị Nguyệt Ánh	GV	V.07.04.32	2,34								5.475.600			574.938	4.900.662	0				0	1.642.680	6.543.342	
19	Nguyễn Thị Như Quỳnh	GV	V.07.04.32	2,34								5.475.600			574.938	4.900.662	0				0	1.642.680	6.543.342	
20	Nguyễn Thị Hồng Thủy	GV	V.07.04.32	2,34								5.475.600			574.938	4.900.662	0				0	1.642.680	6.543.342	
21	Trần Thị Bích Hiền	PTT	V.07.04.32	2,34	0,15					6%	0,140	5.804.136			609.434	4.900.662	0				294.040	1.642.680	6.837.382	
22	Nguyễn Thị Cẩm Trinh	GV	V.07.04.32	2,34								5.826.600			611.793	4.900.662	314.145				0	1.747.980	6.962.787	
23	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	GV	V.07.04.32	2,34								5.475.600			574.938	4.900.662	0				0	1.642.680	6.543.342	
24	Phùng Thị Anh Va	GV	V.07.04.32	2,67								5.475.600			574.938	4.900.662	0				0	1.642.680	6.543.342	
25	Cao Văn Nhân	GV	V.07.04.32	2,34						7%	0,187	6.685.146			701.940	5.591.781	0				0	1.642.680	6.543.342	
26	Ngô Thị Vy	GV	V.07.04.32	2,34								5.475.600			574.938	4.900.662	0				391.425	1.874.340	7.857.546	
27	Nguyễn Thanh Tú	GV	V.07.04.32	2,34								5.475.600			574.938	4.900.662	0				0	1.642.680	6.543.342	
28	Nguyễn Thị Hồng Ánh	GV	V.07.04.32	1,989								5.475.600			574.938	4.900.662	0				0	1.642.680	6.543.342	
29	Nguyễn Quang Vinh	KT	06.032	2,41	0,2							4.654.260			488.697	4.165.563	0	0			0	1.642.680	6.543.342	
30	Nguyễn Thị Na Uy	TV	V.10.02.07	3,26					0,2			6.107.400			641.277	5.047.263	418.860				0	1.396.278	5.561.841	
Tổng Cộng				96,07	1,85	0,00	0	0			10,823	254.456.514	0	0	26.717.934	201.197.307	3.874.455	0	0		468.000	0	64.618.398	292.824.978
Số tiền bằng chữ : Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng.																								

Số tiền bằng chữ : Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng.

Người lập bảng

Nguyễn Quang Vinh

Nguyễn Nghiêm, ngày 09 tháng 09 năm 2025

TRƯỜNG
THCS PHỔ PHONG
PHÓ TRƯỞNG

Huỳnh Văn Tiên